

ỨNG DỤNG HỆ THỐNG TẠP CHÍ MỞ (OJS) TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ QUY TRÌNH BIÊN TẬP VÀ XUẤT BẢN TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

Nguyễn Lê Uyên Minh^{1,2}, Trần Thu Vân^{1,*}

¹Tạp chí Khoa học Trường Đại học Phan Thiết, Việt Nam

²Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Phan Thiết, Việt Nam

Tóm tắt: Nghiên cứu này trình bày việc triển khai Hệ thống Tạp chí Mở (Open Journal Systems - OJS) nhằm số hóa quy trình biên tập và xuất bản của Tạp chí Khoa học Trường Đại học Phan Thiết (UPTJS), Việt Nam. Sử dụng thiết kế nghiên cứu triển khai - đánh giá ở cấp độ cơ sở, nghiên cứu kết hợp tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cấu hình OJS 3.4, đánh giá vận hành hệ thống, khảo sát tác giả ($n = 15$) và chuyên gia phản biện ($n = 21$), cùng phản hồi từ các câu hỏi mở. Kết quả cho thấy OJS đã chuyển đổi một quy trình bán thủ công dựa trên email và bảng tính thành một quy trình số hóa có cấu trúc hơn, với việc theo dõi bản thảo tập trung, tự động hóa trao đổi, phân định vai trò rõ ràng hơn và cải thiện khả năng truy xuất hồ sơ. Đánh giá của người dùng nhìn chung là tích cực, mặc dù các tác giả vẫn ghi nhận một số khó khăn liên quan đến mức độ dễ sử dụng, độ ổn định khi đăng nhập/truy cập, tốc độ hệ thống và một số thao tác chưa trực quan; trong khi đó, các chuyên gia phản biện xác định thời gian hoàn thành phản biện là khía cạnh ít được hài lòng nhất trong quy trình. Phản hồi của chuyên gia phản biện cũng cho thấy việc sử dụng một số công cụ AI cụ thể, chủ yếu là ChatGPT, Perplexity và Scopus AI/Scholar, còn ở mức hạn chế và thận trọng, qua đó đặt ra nhu cầu về hướng dẫn chính sách rõ ràng và tích hợp AI một cách có trách nhiệm. Nhìn chung, nghiên cứu cung cấp một mô hình triển khai - đánh giá có tính thực tiễn cho các tạp chí đại học có nguồn lực hạn chế đang hướng tới cải thiện quản trị biên tập, trải nghiệm người dùng và chuyển đổi số trong xuất bản học thuật.

Từ khóa: AI hỗ trợ phản biện, hệ thống Tạp chí Mở (OJS), phản biện đồng cấp, số hóa quy trình biên tập, tạp chí đại học, xuất bản học thuật

1. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh phong trào khoa học mở trên toàn cầu, các cơ sở giáo dục đại học ngày càng tìm kiếm những hạ tầng số có chi phí hợp lý nhằm nâng cao chất lượng, tính minh bạch và khả năng tiếp cận của công bố học thuật (UNESCO, 2021). Một hướng đi được áp dụng rộng rãi là sử dụng các nền tảng quản lý tạp chí mã nguồn mở, qua đó chuẩn hóa quy trình biên tập và cải thiện khả năng hiển thị siêu dữ liệu phục vụ lập

chỉ mục và phát hiện thông tin (PKP, 2024). Trong bối cảnh này, OJS đã trở thành một nền tảng quan trọng cho hoạt động tạp chí, được triển khai rộng rãi trên thế giới, đặc biệt tại khu vực Nam bán cầu (PKP, 2026).

Tại Việt Nam, nhiều tạp chí ở một số cơ sở giáo dục đại học, nhất là các tạp chí mới thành lập hoặc còn hạn chế về nguồn lực, vẫn dựa vào email và bảng tính để điều phối biên tập. Cách làm này tạo ra những rủi ro vận hành lặp đi lặp lại, chẳng hạn như chậm

trễ trong trao đổi thông tin, hạn chế trong truy vết các quyết định biên tập và lưu trữ thiếu nhất quán. Trong bối cảnh đó, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Phan Thiết (UPTJS) đã triển khai một dự án cấp cơ sở nhằm triển khai OJS như một can thiệp chuyển đổi số mang tính thực tiễn.

Nghiên cứu này hướng đến hai mục tiêu. Thứ nhất, nghiên cứu mô tả cách OJS có thể được cấu hình và phù hợp với bối cảnh đề tài thiết và tự động hóa quy trình biên tập - xuất bản của tạp chí khoa học tại một trường đại học ở địa phương. Thứ hai, nghiên cứu đánh giá kết quả vận hành và trải nghiệm người dùng của quá trình chuyển đổi số thông qua bằng chứng hệ thống, các thước đo định lượng về mức độ hài lòng và phản hồi định tính, bao gồm cả việc sử dụng AI mới xuất hiện trong quá trình bình duyệt.

Bài báo có ba đóng góp chính, đó là cung cấp một bản thiết kế triển khai từng bước cho chuyển đổi quy trình dựa trên OJS; đề xuất một thiết kế đánh giá hỗn hợp, nhấn mạnh độ tin cậy đo lường và đánh giá trải nghiệm người dùng theo từng vai trò và mở rộng góc nhìn về phản biện có hỗ trợ AI như một khía cạnh mới nổi trong thực hành biên tập được hỗ trợ bởi công nghệ số.

2. TỔNG QUAN TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Tổng quan tài liệu

OJS thường được thảo luận như một hạ tầng mở cho phép chuẩn hóa hoạt động nộp bài, phản biện đồng cấp, theo dõi quyết định biên tập và quản lý xuất bản trong cùng một nền tảng. Như tài liệu chính thức của PKP (2026) nhấn mạnh, OJS hoạt động như một hệ thống xuất bản học thuật, đầy đủ quy trình hỗ trợ từ nhà nghiên cứu đến người đọc, bao gồm nộp bài, bình duyệt, xuất bản,

lập chỉ mục và phát hành. Điều này khiến OJS đặc biệt phù hợp với các tạp chí không chỉ muốn số hóa từng tác vụ riêng lẻ, mà còn muốn tái tổ chức hoạt động điều phối biên tập thành một quy trình số tích hợp.

OJS cũng thường được nhìn nhận như một hạ tầng mở cho phép chuẩn hóa quy trình nộp bài, bình duyệt, theo dõi quyết định biên tập và quản lý sản xuất trong một nền tảng thống nhất (PKP, 2026). Bằng chứng từ các nghiên cứu trước đây cho thấy việc sử dụng siêu dữ liệu chuẩn hóa và hạ tầng định danh học thuật (ví dụ: DOI của Crossref) có liên quan chặt chẽ đến việc nâng cao hiệu quả lập chỉ mục trên các hệ thống cơ sở dữ liệu cũng như tăng khả năng hiển thị và truy cập vào các tạp chí sử dụng nền tảng OJS (Chavarro và cộng sự, 2025).

Các nghiên cứu thực nghiệm về việc áp dụng OJS thường ghi nhận lợi ích về hiệu quả quy trình và khả năng sử dụng từ góc nhìn của tác giả và chuyên gia phản biện, đồng thời chỉ ra những rào cản triển khai liên quan đến đào tạo người dùng, chính sách địa phương và hạn chế hạ tầng (Mwantimwa & Wema, 2022; Rohman và cộng sự, 2024). Ở cấp độ chiến lược tạp chí, các nghiên cứu trường hợp về tạp chí có quy mô nhỏ nhấn mạnh rằng chỉ riêng nền tảng số là chưa đủ nếu không đi kèm các chính sách và thực tiễn biên tập nhằm duy trì chất lượng và khả năng lan toả (Malvić và cộng sự, 2022).

Song song với quá trình chuyển đổi nền tảng, các công cụ AI ngày càng được sử dụng để hỗ trợ các tác vụ trong xuất bản và bình duyệt, chẳng hạn như sàng lọc, hỗ trợ mời chuyên gia phản biện và soạn thảo email hỏi thăm. Tuy nhiên, việc sử dụng này cũng đặt ra lo ngại về lạm dụng, thiên lệch và lạm dụng chính học thuật, từ đó đòi hỏi sự giám sát

của con người và chính sách rõ ràng từ phía tạp chí (Kousha & Thelwall, 2024). Nghiên cứu hiện tại tích hợp các hướng tiếp cận này trong một đánh giá trường hợp cấp cơ sở. Việc đưa AI vào nghiên cứu là có ý nghĩa bởi số hóa quy trình biên tập thông qua OJS không chỉ là tự động hóa hoạt động tạp chí; nó còn tạo điều kiện để quy trình bình duyệt trở thành một phần của hệ sinh thái công cụ số rộng hơn, khiến các vấn đề về sử dụng AI, bảo mật và quản trị có trách nhiệm ngày càng hỗ trợ đắc lực cho công tác biên tập.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

2.2.1 Thiết kế nghiên cứu

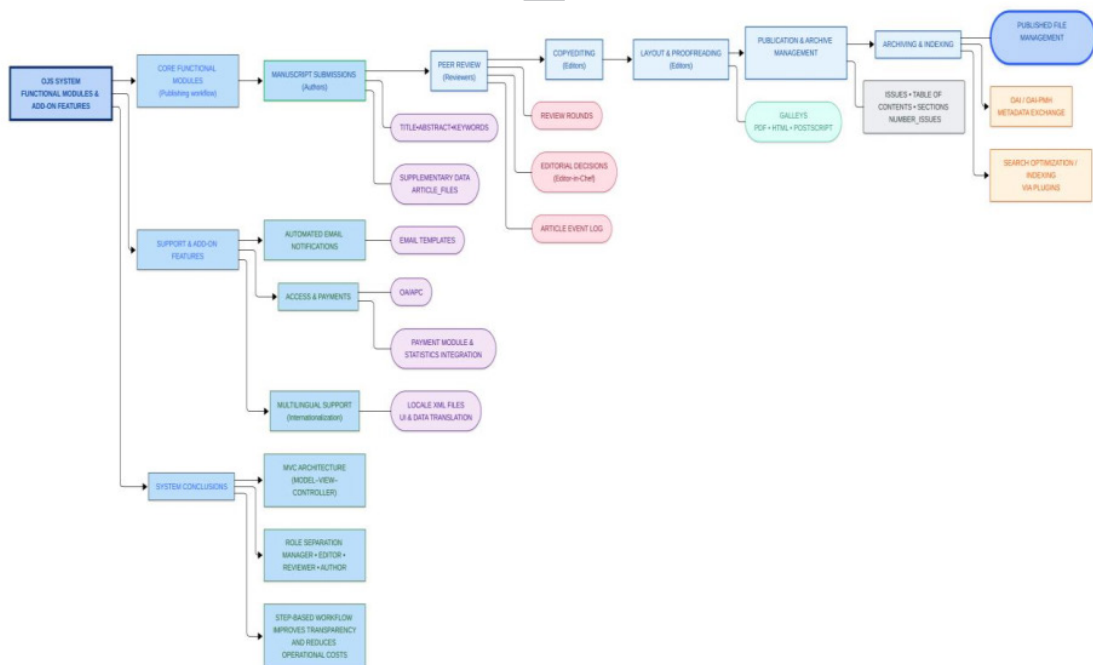
Nghiên cứu sử dụng thiết kế nghiên cứu triển khai cấp cơ sở, với sự kết hợp tuần tự giữa (i) triển khai hệ thống và tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, và (ii) đánh giá kết quả bằng phương pháp hỗn hợp.

2.2.2 Địa điểm nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu là Tạp chí Khoa học Trường Đại học Phan Thiết (UPTJS), Việt Nam. Quá trình triển khai sử dụng OJS 3.4 và yêu cầu môi trường máy chủ tối thiểu phù hợp với yêu cầu của OJS, chẳng hạn PHP ≥ 8.0 , Apache/IIS, MySQL/MariaDB hoặc PostgreSQL, cùng các mô-đun PHP thiết yếu.

2.2.3 Quá trình triển khai OJS

Quy trình biên tập của tạp chí được tái thiết từ mô hình điều phối thủ công dựa trên email và bảng tính thành một quy trình tích hợp hoàn toàn dựa trên OJS. Quy trình được triển khai đã tạo ra sự phân tách vai trò có cấu trúc giữa cán bộ biên tập, tác giả và chuyên gia phản biện; theo dõi bản thảo qua bảng điều khiển; đồng thời tự động hóa quá trình thảo luận thông tin và lưu trữ. Cấu trúc vận hành của quy trình triển khai được minh họa ở Hình 1, trình bày toàn bộ quy trình biên tập được cấu hình trong OJS.



Hình 1. Quy trình xuất bản học thuật và các tính năng hỗ trợ của OJS

Cấu hình hệ thống bao gồm việc kích hoạt các tích hợp cốt lõi và các tính năng liên thông của xuất bản học thuật, như thu hoạch siêu dữ liệu OAI-PMH, thống kê sử dụng và trình xem PDF tích hợp. Các yêu cầu về máy chủ và phần mềm cần thiết cho triển khai OJS 3.4 được tóm tắt trong Phụ lục A.

2.2.4 Xây dựng bảng hỏi và đánh giá thử nghiệm

Để ghi nhận trải nghiệm theo từng nhóm liên quan đối với nền tảng OJS, nhóm nghiên cứu đã xây dựng hai bảng hỏi cấu trúc riêng cho tác giả và chuyên gia phản biện. Các công cụ này kết hợp nhiều câu hỏi đóng theo thang Likert, câu hỏi nhiều lựa chọn, câu hỏi nhị phân với các câu hỏi mở, cho phép thu thập đồng thời dữ liệu đánh giá có cấu trúc và phản hồi do người dùng cung cấp về những khó khăn thực tế cũng như kỳ vọng đối với việc cải thiện hệ thống. Mặc dù cả hai bảng hỏi đều tập trung vào trải nghiệm người dùng với quy trình biên tập dựa trên OJS, chúng được thiết kế để phản ánh vai trò và chuỗi nhiệm vụ khác nhau của từng nhóm trả lời.

Trước khảo sát chính thức, các công cụ trải qua một quy trình hiệu chỉnh nhiều giai đoạn. Các mục hỏi ban đầu được xây dựng từ mục tiêu nghiên cứu và các cấu trúc then chốt liên quan đến khả năng sử dụng hệ thống, chất lượng quy trình và tương tác số trong xuất bản học thuật. Nhóm nghiên cứu cũng tham khảo cấu trúc khảo sát của một số nhà xuất bản học thuật quốc tế, trong đó có *Journal of Molecular Graphics and Modelling*, để hỗ trợ phát triển mục hỏi. Các mục hỏi dự thảo sau đó được rà soát và sắp xếp lại theo từng cấu trúc nhằm cải thiện tính mạch lạc khái niệm. Giá trị nội

dung tiếp tục được hai chuyên gia trong lĩnh vực xuất bản học thuật, bình duyệt, thiết kế khảo sát và đo lường đánh giá giáo dục bằng phương pháp Chỉ số phù hợp giữa mục hỏi và mục tiêu (*Item-Objective Congruence - IOC*). Dựa trên phản hồi của chuyên gia, những cách diễn đạt mơ hồ được chỉnh sửa, một số mục được chuyển sang cấu trúc phù hợp hơn và các mục chưa rõ về mặt khái niệm được tiếp tục tinh chỉnh.

Sau đó, một thử nghiệm thí điểm với 05 người tham gia được tiến hành để đánh giá độ rõ ràng, mức độ dễ hiểu, trình tự mục hỏi và khả năng trùng lặp hoặc diễn giải sai. Do cỡ mẫu thí điểm rất nhỏ, dữ liệu thu được chỉ được sử dụng để hoàn thiện công cụ chứ không dùng để ước lượng độ nhất quán nội bộ; phân tích độ tin cậy vì vậy chỉ được tiến hành trên bộ dữ liệu khảo sát đầy đủ.

Ngoài các mục chung về trải nghiệm người dùng liên quan đến OJS, bảng hỏi dành cho chuyên gia phản biện có thêm một phần riêng về AI, bao gồm tần suất sử dụng, loại công cụ được sử dụng và nhận thức về lợi ích, rủi ro, mức độ hữu ích, thiên lệch và quyền riêng tư trong quá trình phản biện. Nội dung này được đưa vào vì số hóa quy trình biên tập thông qua OJS tạo điều kiện để chuyên gia phản biện ngày càng có thể tiếp xúc với các công cụ AI hỗ trợ trong những tác vụ liên quan đến công tác bình duyệt. Việc ghi nhận khía cạnh này giúp đặt việc triển khai OJS trong quá trình chuyển đổi rộng hơn, từ số hóa quy trình dựa trên nền tảng sang thực tiễn biên tập được hỗ trợ bởi công nghệ số.

Không có các câu hỏi song song về việc sử dụng AI trong quá trình viết bản thảo trong bảng hỏi dành cho tác giả, vì nghiên cứu hiện tại tập trung vào trải nghiệm của

tác giả đối với quy trình nộp bài và biên tập trên OJS, thay vì các thực hành viết tự báo cáo - một nội dung được xem là nằm ngoài phạm vi đánh giá hiện tại.

2.2.5 Thu thập dữ liệu

Ba nguồn dữ liệu bổ trợ cho nhau được sử dụng để đánh giá kết quả triển khai.

(1) Đánh giá vận hành: Đánh giá nội bộ cấp cơ sở nhằm xem xét độ ổn định của hệ thống, hiệu năng xử lý, khả năng quản lý vai trò, mức độ sẵn sàng tích hợp và chức năng báo cáo trong giai đoạn triển khai thử nghiệm.

(2) Khảo sát: Một khảo sát cấu trúc theo thang Likert 5 mức, câu hỏi nhiều lựa chọn và câu hỏi nhị phân được thực hiện với tác giả ($n_1 = 15$) và chuyên gia phản biện ($n_2 = 21$). Khảo sát đo lường khả năng sử dụng, trải nghiệm quy trình biên tập – xuất bản và các chỉ số hài lòng tổng thể của tác giả (A_SI) và chuyên gia phản biện (R_SI).

(3) Phản hồi định tính từ các câu trả lời mở của cả tác giả và chuyên gia phản biện, tập trung vào những khó khăn gặp phải và đề xuất cải thiện.

Đối với chuyên gia phản biện, khảo sát còn thu thập dữ liệu về tần suất sử dụng AI, các loại công cụ được sử dụng và nhận thức về mức độ hữu ích, rủi ro, thiên lệch và quyền riêng tư trong quá trình bình duyệt.

2.2.6 Phân tích dữ liệu

Độ tin cậy của thang đo được đánh giá bằng hệ số Cronbach's alpha, kết hợp phân tích tương quan câu hỏi với phần còn lại (*item-rest correlation analysis*) để xác định câu hỏi nào trong bảng hỏi không nhất quán với tổng thể. Thống kê mô tả, bao gồm trung bình, trung vị và độ lệch chuẩn, được tính cho tất cả các mục khảo sát và các chỉ

số hài lòng. Các câu trả lời trước hết được mã hóa quy nạp để nhận diện những khó khăn lặp lại, kỳ vọng và đề xuất cải thiện hệ thống, cũng như nhận thức của chuyên gia phản biện về việc sử dụng AI trong công tác bình duyệt. Do hai bảng hỏi được thiết kế để phản ánh các vai trò liên quan khác nhau và không sử dụng một khung đo lường hoàn toàn chung, nghiên cứu không tiến hành so sánh thống kê trực tiếp giữa hai nhóm người dùng. Các phát hiện định lượng và định tính sau đó được tích hợp để đưa ra diễn giải tổng hợp về kết quả triển khai.

Do cỡ mẫu khiêm tốn, phân tích định lượng được xem là một phần của đánh giá sơ bộ ở giai đoạn đầu, chứ không phải cơ sở để khái quát thống kê rộng. Thống kê mô tả được sử dụng để tóm tắt trải nghiệm người dùng, trong khi phân tích độ tin cậy được áp dụng thận trọng nhằm xem xét liệu các mục khảo sát có thể được kết hợp một cách có ý nghĩa thành các chỉ báo tổng hợp hay không. Không có phép kiểm so sánh suy luận giữa tác giả và chuyên gia phản biện vì hai nhóm trả lời khác nhau về vai trò, chuỗi nhiệm vụ và cấu trúc bảng hỏi. Để củng cố diễn giải, các mẫu hình định lượng được đối chiếu với bằng chứng vận hành và phản hồi định tính từ câu hỏi mở.

3. KẾT QUẢ

3.1 Kết quả vận hành

Triển khai thử nghiệm cho thấy hệ thống dựa trên OJS vận hành với khả năng truy cập ổn định, hiệu năng chức năng nhất quán và kích hoạt thành công các tính năng cốt lõi của biên tập và truyền thông học thuật. Trong thực tế, hệ thống cải thiện khả năng truy vết bản thảo, chuẩn hóa lưu trữ tài liệu qua các giai đoạn biên tập, hỗ trợ thông báo và báo cáo tự động, đồng thời tăng cường

phối hợp giữa biên tập viên, chuyên gia phản biện và tác giả. Nền tảng được triển khai không chỉ đóng vai trò giao diện nộp bài, mà còn hỗ trợ tổ chức lại công việc biên tập thành một quy trình số có cấu trúc với các giai đoạn xử lý rõ ràng và trách nhiệm được phân định theo vai trò.

Đánh giá so sánh cấp cơ sở về hiệu quả quy trình trước và sau triển khai cũng cho thấy những cải thiện vận hành đáng kể. So với mô hình bán thủ công trước đây, vốn phụ thuộc nhiều vào trao đổi email rời rạc và xử lý mang tính cá nhân, quy trình dựa trên OJS đưa vào quản lý bản thảo tập trung trên bảng điều khiển, thông báo tự động, theo dõi tiến độ theo thời gian thực, xử lý phản biện kín rõ ràng hơn và truy xuất hồ sơ bản thảo nhanh hơn. Những thay đổi này cho thấy sự chuyển dịch từ điều phối phụ thuộc vào cá nhân sang quản trị quy trình dựa trên trạng thái và dữ liệu, qua đó cải thiện tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả biên tập. So sánh có cấu trúc giữa quy trình thủ công và quy trình dựa trên OJS được trình bày trong Phụ lục B.

3.2 Độ tin cậy khảo sát và mức độ hài lòng

3.2.1 Phân tích độ tin cậy

Phân tích độ tin cậy được tiến hành trước khi diễn giải mô tả nhằm xem xét độ nhất quán nội bộ của các công cụ khảo sát.

Thang đo phía tác giả, gồm tám mục đo khả năng sử dụng, chất lượng phản biện và hiệu quả quy trình, cho thấy độ nhất quán nội bộ tốt (Cronbach's alpha = .820, CI 95% [.680, .959]), cho thấy toàn bộ các mục phù hợp để phân tích tổng hợp tiếp theo.

Đối với chuyên gia phản biện, thang đo quy trình mời phản biện thể hiện độ nhất quán nội bộ rất cao (Cronbach's alpha = .979), cho thấy các mục đã ghi nhận khía cạnh rất mạch lạc ở trải nghiệm bình duyệt. Thang đo khả năng sử dụng và độ rõ ràng giao diện ban đầu có độ tin cậy chấp nhận được nhưng yếu hơn (Cronbach's alpha = .670). Sau khi loại mục R_FH (xử lý tệp phản biện), độ nhất quán nội bộ tăng lên .714, hỗ trợ việc sử dụng phiên bản rút gọn gồm ba mục còn lại. Ngược lại, nhóm câu hỏi liên quan đến thông báo tự động, liên lạc với ban biên tập và thời gian hoàn thành phản biện có độ tin cậy thấp (Cronbach's alpha = .426), cho thấy các chỉ báo này không nên được kết hợp thành một thang đo đơn chiều mà cần được diễn giải riêng. Về phương pháp luận, kết quả này cho thấy trải nghiệm của chuyên gia phản biện trong OJS có tính đa chiều và không thể được biểu đạt đầy đủ bằng một cấu trúc tổng hợp duy nhất. Kết quả độ tin cậy được tóm tắt trong Bảng 1.

Bảng 1: Thống kê độ tin cậy của các thang đo khảo sát đối với tác giả và chuyên gia phản biện

Nhóm trả lời	Thang đo / cấu trúc	Các mục đưa vào	Cronbach's alpha	Diễn giải	Quyết định
Tác giả	Thang đo hài lòng của tác giả	8 câu hỏi về khả năng sử dụng, chất lượng phản biện và hiệu quả quy trình	.820	Độ nhất quán nội bộ tốt	Giữ lại làm thang đo tổng hợp
Chuyên gia phản biện	Quy trình mời phản biện	câu hỏi liên quan đến lời mời phản biện	.979	Độ nhất quán nội bộ xuất sắc	Giữ lại làm thang đo tổng hợp
	Khả năng sử dụng và độ rõ ràng giao diện (thang đo ban đầu)	4 câu hỏi, bao gồm R_FH (xử lý tệp phản biện)	.670	Chấp nhận được nhưng độ nhất quán yếu hơn	Rà soát
	Khả năng sử dụng và độ rõ ràng giao diện (thang đo đã lược bỏ R_FH)	3 câu hỏi sau khi loại R_FH	.714	Độ nhất quán cải thiện và chấp nhận được	Giữ lại phiên bản thang đo rút gọn
	Thông báo, liên lạc với ban biên tập và thời gian phản biện	R_AN (thông báo tự động), R_EC (liên lạc với ban biên tập),	.426	Độ nhất quán nội bộ thấp	Diễn giải riêng, không kết hợp

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ phần mềm JASP)

Ngoài ra, các thang đo phía chuyên gia phản biện không vận hành như một thang đo thống nhất duy nhất. Đặc biệt, R_FH dường như vận hành khác với các chỉ báo khả năng sử dụng còn lại và phù hợp hơn khi được xem là một vấn đề thủ tục riêng biệt thay vì là một thành phần trực tiếp của độ rõ ràng giao diện.

Hệ số Cronbach's alpha thấp đối với nhóm câu hỏi liên quan đến thông báo tự động, liên lạc với ban biên tập và thời gian hoàn thành bình duyệt không nên được hiểu là hệ thống OJS có độ tin cậy thấp. Đúng hơn, kết quả này cho thấy các mục đó không tạo thành một thang đo đo lường có độ nhất quán nội bộ. Về mặt khái niệm, ba khía cạnh này đại diện cho các hoạt động vận hành khác nhau của quy trình bình duyệt. Vì vậy, chúng không được kết hợp thành chỉ số tổng hợp mà được giữ lại như các chỉ báo mô tả riêng, nhằm tránh diễn giải quá mức như một cấu trúc đơn chiều.

3.2.2 Mức độ hài lòng và đánh giá của người dùng

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng nhìn chung cao ở nhóm tác giả. Chỉ số hài lòng tổng hợp của tác giả (A_SI), được xây dựng từ tám mục Likert được giữ lại, đạt trung bình 4,383 (SD = 0,399), cho thấy mức độ hài lòng tổng thể cao và mức biến thiên tương đối thấp giữa các người trả lời. Các khía cạnh được đánh giá cao nhất là tính khách quan của phản biện (A_RO, Mean = 4,867) và mức độ hữu ích của phản biện (A_RE, Mean = 4,600), cho thấy tác giả cảm nhận quy trình bình duyệt vừa minh bạch vừa có ý nghĩa học thuật. Các đánh giá tích cực cũng được ghi nhận đối với giao diện và hướng dẫn (A_IG, Mean = 4,533), chức năng phản hồi tự động (A_AE, Mean

= 4,533), và mức độ thuận tiện của đăng ký và đăng nhập (A_LC, Mean = 4,333).

Khía cạnh được đánh giá thấp nhất là mức độ dễ sử dụng tổng thể (A_EU, Mean = 3.733), cho thấy một bộ phận nhỏ người dùng vẫn gặp khó khăn khi điều hướng hoặc thao tác trên nền tảng. Điểm thấp hơn tương đối của A_EU gợi ý rằng trải nghiệm người dùng phía tác giả (UX) vẫn là mối quan tâm chính cần cải thiện. Các phản hồi mở chỉ ra bốn nguyên nhân chính: điều kiện truy cập hoặc đăng nhập chưa ổn định, xử lý hệ thống chậm, thỉnh thoảng có lỗi kỹ thuật và một số bước trong quy trình chưa đủ trực quan đối với người dùng lần đầu. Những vấn đề này không xuất phát từ sự không hài lòng với quy trình biên tập, bởi tính khách quan và tính hữu ích của quy trình bình duyệt vẫn được đánh giá cao. Thay vào đó, chúng phản ánh các rào cản thực tế trong việc điều hướng hệ thống nộp bài và hoàn thành các thao tác trên OJS.

Các phát hiện này gợi ý một số biện pháp thực tiễn để cải thiện trải nghiệm người dùng phía tác giả. Tạp chí nên cung cấp một hướng dẫn ngắn gọn cho tác giả có hình minh họa, đơn giản hóa cách diễn đạt tiếng Việt trên giao diện khi có thể, chuẩn bị danh mục kiểm tra trước khi nộp bài, bổ sung phần câu hỏi thường gặp trên website tạp chí và hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp trong giai đoạn nộp bài ban đầu. Về phía hệ thống, hiệu năng máy chủ, khả năng gửi email, độ ổn định đăng nhập và báo cáo lỗi cần được theo dõi thường xuyên. Những cải tiến này sẽ giúp giảm khó khăn đối với người dùng lần đầu và tăng cường sự tin tưởng của tác giả vào quy trình xuất bản dựa trên OJS.

Ngoài ra, tác giả cũng bày tỏ kỳ vọng đối với việc nâng cấp hệ thống trong tương lai.

Các tích hợp được mong muốn nhiều nhất là đồng bộ Google Scholar/DOI và phát hiện trích dẫn hoặc độ tương đồng tự động bằng AI (cùng đạt 46,7%), tiếp theo là tích hợp ORCID (40,0%) và hỗ trợ bằng chatbot (33,3%). Các phản hồi này cho thấy kỳ vọng của người dùng không chỉ dừng ở độ ổn định kỹ thuật, mà còn hướng đến khả năng liên thông học thuật cao hơn, kiểm soát chất lượng mạnh hơn và hỗ trợ người dùng linh hoạt hơn trong môi trường xuất bản số.

Phản hồi của chuyên gia phản biện cũng cho thấy đánh giá nhìn chung tích cực đối với OJS trong quy trình phản biện. Chỉ báo tổng hợp về quy trình mời phản biện (R_

INVITE) có điểm trung bình là 4,260, trong khi chỉ báo tổng hợp về khả năng sử dụng và độ rõ ràng giao diện (R_USABILITY) có điểm trung bình là 4,492. Trong số các chỉ báo độc lập, thông báo tự động (R_AN, Mean = 4,619) và liên lạc với ban biên tập (R_EC, Mean = 4,476) được đánh giá tích cực. Ngược lại, thời lượng phản biện hoặc thời gian hoàn thành phản biện (R_RD) có điểm trung bình thấp nhất (M = 3,286, Median = 4,000) và độ lệch chuẩn cao nhất (SD = 1,419), cho thấy sự khác biệt đáng kể về ý kiến giữa các chuyên gia phản biện về thời gian cần để hoàn thành công tác bình duyệt.

Bảng 2. Điểm trung bình trong đánh giá của tác giả và chuyên gia phản biện về OJS

Nhóm trả lời	Chỉ báo	Trung bình
Tác giả	A_SI – Chỉ số hài lòng của tác giả	4,383
	A_RO – Tính khách quan của phản biện	4,867
	A_RE – Mức độ hữu ích của phản biện	4,600
	A_IG – Giao diện và hướng dẫn	4,533
	A_AE – Chức năng phản hồi tự động	4,533
	A_LC – Mức độ thuận tiện của đăng ký và đăng nhập	4,333
	A_EU – Mức độ dễ sử dụng tổng thể	3,733
Chuyên gia phản biện	R_INVITE – Quy trình mời phản biện	4,260
	Chuyên gia phản biện	4,492
	R_AN – Thông báo tự động	4,619
	R_EC – Truyền thông với ban biên tập	4,476
	R_RD – Thời lượng phản biện / thời gian hoàn thành phản biện	3,286

Phản hồi định tính của chuyên gia phản biện củng cố cách diễn giải này. Phần lớn chuyên gia phản biện không ghi nhận trở ngại lớn khi sử dụng hệ thống, nhưng những khó khăn được nêu bao gồm sự bất tiện khi muốn nhận xét trực tiếp trên bản thảo, thỉnh thoảng gặp vấn đề khi vận hành hệ thống, email mời phản biện bị lọc vào thư rác, áp lực thời gian trong quá trình phản biện và một số cách diễn đạt tiếng Việt trên giao diện chưa thật chính xác. Mặc dù các vấn đề này không làm suy giảm đánh giá tích cực chung về OJS, chúng cho thấy cần có những điều chỉnh kỹ thuật và ngôn ngữ mang tính bản địa hóa để tiếp tục cải thiện khả năng sử dụng và sự thuận tiện cho chuyên gia phản biện.

Khảo sát chuyên gia phản biện cũng cho thấy AI đã xuất hiện trong môi trường bình duyệt, dù còn ở mức hạn chế và thận trọng.

Phần lớn chuyên gia phản biện cho biết chỉ sử dụng AI ở mức rất ít, dưới 25% công việc bình duyệt là 70,0%, trong khi 30,0% cho biết không sử dụng AI. ChatGPT là công cụ được sử dụng phổ biến nhất (75,0%), tiếp theo là Perplexity (15,0%) và Scopus AI/Scholar (10,0%). Ở phương diện nhận thức, 61,9% chuyên gia phản biện cho rằng AI có thể cải thiện chất lượng bình duyệt, và 42,9% cho rằng AI có thể nâng cao hiệu quả. Đồng thời, các chuyên gia phản biện cũng bày tỏ lo ngại về việc lạm dụng có thể tạo ra nội dung sai lệch (57,1%), rủi ro về quyền riêng tư và bảo mật (38,1%), cũng như thiên lệch thuật toán có thể ảnh hưởng đến phán đoán khoa học (38,1%). Vì vậy, việc sử dụng AI của chuyên gia phản biện vẫn ở mức hạn chế và có chọn lọc. Mẫu hình chung là sự thử nghiệm thận trọng hơn là phụ thuộc thường xuyên. Các phát hiện này được tóm tắt trong Bảng 3.

Bảng 3: Việc sử dụng và nhận thức của chuyên gia phản biện về AI trong công tác bình duyệt

Nội dung	Hạng mục	Tỷ lệ (%)
Mức độ sử dụng AI trong công việc phản biện	Dưới 25% công việc phản biện	70,0
	Không sử dụng AI	30,0
Công cụ AI được sử dụng	ChatGPT	75,0
	Perplexity	15,0
	Scopus AI/Scholar	10,0
Lợi ích được cảm nhận	AI có thể cải thiện chất lượng phản hồi	61,9
	AI có thể nâng cao hiệu quả	42,9
Mối lo ngại	Lạm dụng có thể tạo ra nội dung sai lệch	57,1
	Rủi ro quyền riêng tư và bảo mật	38,1
	Thiên lệch thuật toán ảnh hưởng đến phán đoán khoa học	38,1

4. THẢO LUẬN

4.1 Hạ tầng quản trị số OJS

Các phát hiện cho thấy việc triển khai OJS tại UPTJS không nên được hiểu đơn thuần là một cài đặt kỹ thuật, mà là một can thiệp cấp cơ sở vào quản trị biên tập. Bằng cách tái tổ chức xử lý bản thảo thành các giai đoạn được xác định rõ ràng, có sự hỗ trợ của phân định trách nhiệm theo vai trò và theo dõi qua bảng điều khiển, hệ thống đã góp phần chuyển dịch từ điều phối rời rạc dựa trên email sang mô hình quản lý biên tập có cấu trúc hơn, dựa trên trạng thái và được thông tin bởi dữ liệu. Sự chuyển đổi này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh một tạp chí có nguồn lực hạn chế ở một cơ sở giáo dục đại học đại phương như Trường Đại học Phan Thiết, nơi tính liên tục của quy trình, khả năng truy vết thủ tục và trách nhiệm giải trình biên tập.

4.2 Trải nghiệm đa chiều của chuyên gia phản biện trong quy trình xuất bản được hỗ trợ bởi OJS

Kết quả nhận định từ phía chuyên gia phản biện cho thấy trải nghiệm trong quy trình bình duyệt được hỗ trợ bởi OJS có tính đa chiều và không nên được rút gọn thành một thước đo tổng hợp duy nhất. Các chức năng truyền thông kỹ thuật, liên lạc với ban biên tập và gánh nặng thời gian liên quan đến phản biện dường như đại diện cho những khía cạnh khác nhau của quy trình phản biện. Chẳng hạn, chuyên gia phản biện có thể đánh giá tích cực thông báo tự động và tương tác với ban biên tập, nhưng vẫn chịu áp lực khi hoàn thành công tác bình duyệt trong thời hạn dự kiến. Sự phân biệt này giúp lý giải vì sao một số chỉ báo phía chuyên gia phản biện không tạo thành thang đo tổng hợp có độ nhất quán cao. Do đó,

các đánh giá tương lai về triển khai OJS cần phân biệt giữa các chức năng liên quan đến hệ thống, như độ tin cậy của thông báo, hỗ trợ kết nối và độ rõ ràng giao diện, với các điều kiện liên quan đến nhiệm vụ, như khối lượng công việc của chuyên gia phản biện, khả năng sẵn sàng và thời lượng dành cho hoạt động bình duyệt. Theo nghĩa này, độ nhất quán nội bộ thấp hơn quan sát được ở một số mục phía chuyên gia phản biện nên được diễn giải như bằng chứng về tính đa chiều của cấu trúc, chứ không phải là chỉ dấu trực tiếp về chất lượng hay độ tin cậy của hệ thống.

4.3 Chuẩn hóa vận hành và tính nhất quán của quy trình

Những cải thiện vận hành sau triển khai cũng củng cố quan điểm rằng OJS có thể đóng vai trò là hạ tầng quản lý tạp chí, chứ không chỉ là giao diện nộp bài. Thông báo tự động, lưu trữ tài liệu tập trung, kiểm soát phiên bản và xử lý bình duyệt kín rõ ràng hơn đã làm giảm sự phân mảnh thủ tục và cải thiện tính nhất quán của hoạt động biên tập. Đồng thời, kết quả cũng khẳng định các nghiên cứu trước đây cho rằng lợi ích của nền tảng tạp chí chỉ được phát huy hiệu quả nhất khi triển khai kỹ thuật đi kèm với sự đồng bộ tổ chức, đào tạo người dùng và cấu hình phù hợp với bối cảnh (Mwantimwa & Wema, 2022; Rohman và cộng sự, 2024; Malvić và cộng sự., 2022).

4.4 Sự chấp nhận của người dùng và các hướng tinh chỉnh quy trình

Dữ liệu người dùng cho thấy mức độ chấp nhận hệ thống nhìn chung cao, mặc dù không đồng đều ở tất cả các khía cạnh sử dụng. Mẫu hình này khá phù hợp với các nghiên cứu trước đây ghi nhận nhận thức tích cực về OJS song song với những rào

cản dai dẳng về khả năng sử dụng và vận hành (Mwantimwa & Wema, 2022; Rohman và cộng sự, 2024). Tác giả đánh giá tích cực tính khách quan của phản biện, mức độ hữu ích của những góp ý học thuật, chuyên môn và hướng dẫn giao diện, trong khi những khó khăn còn lại tập trung vào mức độ dễ sử dụng và độ ổn định kỹ thuật. Chuyên gia phản biện cũng đánh giá thuận lợi việc xử lý lời mời, khả năng sử dụng, thông báo và truyền thông biên tập, nhưng thời gian hoàn thành công tác bình duyệt vẫn là khía cạnh ít được hài lòng nhất trong quy trình của họ. Kết hợp với phản hồi mở, các phát hiện này cho thấy thách thức chính đã chuyển từ giai đoạn chấp nhận cơ bản sang giai đoạn tinh chỉnh quy trình, bao gồm độ tin cậy của gửi email, sự thuận tiện hơn trong việc nhận xét trên bản thảo, cách diễn đạt giao diện và hướng dẫn người dùng rõ ràng hơn.

4.5 Phản biện có hỗ trợ AI - vấn đề mới nổi trong thực tiễn chuyển đổi số

Một đóng góp khác của nghiên cứu là mô tả mang tính khám phá về quá trình bình duyệt có hỗ trợ AI trong môi trường biên tập được hỗ trợ bởi OJS. Các phát hiện cho thấy việc sử dụng AI trong nhóm chuyên gia phản biện đã xuất hiện, nhưng vẫn ở mức hạn chế và có chọn lọc thay vì trở nên thường xuyên. Chuyên gia phản biện nhận thấy tiềm năng của công cụ AI trong việc hỗ trợ chất lượng chỉnh sửa và hiệu quả bình duyệt, đồng thời cũng bày tỏ lo ngại về đầu ra sai lệch, rủi ro quyền riêng tư và bảo mật, cũng như thiên lệch thuật toán. Mẫu hình này cho thấy AI hiện đang đóng vai trò công cụ hỗ trợ bổ sung trong hệ sinh thái biên tập, chứ không thay thế phán đoán của chuyên gia phản biện. Điều này cũng củng cố nhu cầu về sự giám sát của con người và chính sách minh bạch từ phía tạp chí đối với việc

sử dụng AI có trách nhiệm trong quy trình bình duyệt (Kousha & Thelwall, 2024).

4.6 Các cải tiến liên quan đến AI được đề xuất cho quy trình biên tập trên OJS

Dựa trên phản hồi của chuyên gia phản biện, AI không nên được tích hợp vào quy trình biên tập như một cơ chế ra quyết định tự động. Thay vào đó, AI nên được đưa vào như một lớp hỗ trợ có kiểm soát dưới sự giám sát của chuyên gia phản biện và biên tập viên. Một số cải tiến thực tiễn có thể được cân nhắc trong quá trình phát triển OJS tại UPTJS trong tương lai. Thứ nhất, có thể bổ sung trường khai báo sử dụng AI vào biểu mẫu phản biện, cho phép chuyên gia phản biện cho biết họ có sử dụng công cụ AI để bình duyệt hay không, họ đã sử dụng các công cụ nào và sử dụng cho mục đích gì. Thứ hai, hệ thống có thể cung cấp các nhắc nhở dựa trên chính sách về bảo mật, bảo vệ dữ liệu và việc không được tải bản thảo chưa công bố lên các nền tảng AI bên thứ ba không bảo đảm an toàn. Thứ ba, các chức năng có hỗ trợ AI nên được giới hạn ở những nhiệm vụ hỗ trợ biên tập có rủi ro thấp, như kiểm tra mức độ đầy đủ của biểu mẫu phản biện, nhận diện siêu dữ liệu còn thiếu hoặc hỗ trợ kiểm tra trùng lặp và trích dẫn thông qua các công cụ đã được phê duyệt. Thứ tư, mọi hoạt động biên tập, bình duyệt có AI hỗ trợ vẫn phải chịu sự xác minh của con người bởi biên tập viên và chuyên gia phản biện. Cách tiếp cận này cho phép tận dụng hiệu quả việc trợ giúp của AI nhưng đồng thời vẫn duy trì liên chính học thuật, bảo mật và trách nhiệm giải trình biên tập.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này cho thấy việc triển khai OJS tại UPTJS vừa khả thi vừa có ý nghĩa

cấp cơ sở. Nền tảng đã chuyển đổi một quy trình biên tập bán thủ công thành quy trình chuyển đổi số được chuẩn hóa hơn, với khả năng theo dõi bản thảo tập trung, thông báo tự động, cải thiện việc truy xuất hồ sơ và phân định trách nhiệm theo vai trò minh bạch hơn. Đánh giá cũng cho thấy nhận thức tích cực từ cả tác giả và chuyên gia phản biện, gợi ý rằng hệ thống nhìn chung được chấp nhận như một công cụ giúp tăng tính minh bạch và trình tự của quy trình cũng như tính chuyên nghiệp trong biên tập. Tổng thể, các phát hiện này định vị OJS như một hạ tầng thực tiễn cho số hóa quy trình tại các tạp chí có nguồn lực hạn chế tại các cơ sở giáo dục đại học.

Nghiên cứu đóng góp một mô hình triển khai - đánh giá có thể lặp lại, kết nối triển khai kỹ thuật với đánh giá lấy người dùng làm trung tâm. Nghiên cứu cũng mở rộng thảo luận về số hóa tạp chí bằng cách nhận diện sự xuất hiện ban đầu của AI trong quy trình bình duyệt, không phải chỉ là một thực tiễn phân công, mà như một yếu tố mới nổi trong môi trường biên tập. Các phát hiện cũng cho thấy lợi ích của số hóa dựa trên nền tảng không chỉ phụ thuộc vào việc chấp nhận hệ thống, mà còn phụ thuộc vào việc tiếp tục tinh chỉnh kỹ thuật, hỗ trợ người dùng theo vai trò và hướng dẫn chính sách rõ ràng đối với các công cụ số mới.

Nhóm nghiên cứu cũng thừa nhận một số hạn chế. Thứ nhất, nghiên cứu dựa trên một trường hợp cấp cơ sở đơn lẻ với cỡ mẫu khiêm tốn, gồm 15 tác giả và 21 chuyên gia

phản biện. Điều này phản ánh quy mô thực tế của người dùng tham gia giai đoạn triển khai ban đầu của một tạp chí khoa học tại trường đại học, nhưng hạn chế mức độ khái quát thống kê của các phát hiện. Vì vậy, kết quả nên được diễn giải như bằng chứng đặc thù theo bối cảnh về việc áp dụng OJS ở giai đoạn thử nghiệm, thay vì là kết luận có thể khái quát rộng. Thứ hai, thời gian đánh giá tương đối ngắn nên chủ yếu ghi nhận triển khai giai đoạn đầu, chưa phản ánh đầy đủ các tác động tổ chức dài hạn. Thứ ba, các phát hiện liên quan đến AI phản ánh nhận thức ban đầu và việc sử dụng có chọn lọc, chứ chưa chứng minh tác động đối với chất lượng, tính nhất quán hoặc hiệu quả của phản biện. Các nghiên cứu tương lai nên mở rộng cỡ mẫu, bao gồm nhiều tạp chí và kéo dài thời gian quan sát để kiểm chứng phát hiện trong các bối cảnh cơ sở khác nhau.

Nghiên cứu tương lai cần phát triển các khung đánh giá có hệ thống hơn về tích hợp AI có trách nhiệm trong các quy trình biên tập được hỗ trợ bởi OJS, đặc biệt liên quan đến chất lượng phản biện, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và quản trị biên tập. Từ góc độ triển khai, việc phát triển quy trình OJS trong tương lai nên tích hợp chính sách sử dụng AI có trách nhiệm và các chức năng liên quan đến AI có kiểm soát, bao gồm khai báo của chuyên gia phản biện, nhắc nhở về bảo mật, kiểm tra siêu dữ liệu, hỗ trợ kiểm tra độ trùng lặp và hỗ trợ dưới sự giám sát của biên tập viên nhằm nâng cao chất lượng xuất bản.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở của Trường Đại học Phan Thiết (Mã số đề tài: 04-ĐT/2025/HĐ-NCKH-ĐHPT).

Thông tin tác giả:

ThS. Nguyễn Lê Uyên Minh, Khoa Ngoại ngữ; Tạp chí Khoa học Trường Đại học Phan Thiết, Việt Nam. Email: nluminh@upt.edu.vn

Trần Thu Vân (*Tác giả liên hệ), Tạp chí Khoa học Trường Đại học Phan Thiết, Việt Nam. Email: ttvan@upt.edu.vn

Đóng góp của tác giả:

Nguyễn Lê Uyên Minh: Hình thành ý tưởng, phương pháp luận, quản lý dự án, giám sát, phân tích chính thức, viết bản thảo gốc, viết - rà soát và chỉnh sửa.

Trần Thu Vân: Cài đặt phần mềm, cấu hình và quản trị hệ thống, quản lý dữ liệu, điều tra, xác nhận, hỗ trợ kỹ thuật, viết - rà soát và chỉnh sửa.

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 13/4/2026

Ngày sửa bài: 28/5/2026

Ngày chấp nhận đăng: 30/5/2026

Ghi chú

Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích liên quan đến bài báo này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chavarro, D., Alperin, J. P., & Willinsky, J. (2025). On the open road to universal indexing: OpenAlex and Open Journal Systems. *Quantitative Science Studies*, 6, 1039–1058.

Kousha, K., & Thelwall, M. (2024). Artificial intelligence to support publishing and peer review: A summary and review. *Learned Publishing*, 37(1), 4–12.

Malvić, T. và cộng sự (2022). Citation rate challenges for a small journal indexed in Scopus and WoS—Case study. *Publications*, 10(3), Article 32.

Mwantimwa, K., & Wema, E. (2022). Perceived benefits and barriers of using online journal systems. *University of Dar es Salaam Library Journal*, 17(1), 165–179.

Public Knowledge Project. (2024). PKP annual report 2024. Public Knowledge Project.

Public Knowledge Project. (2026). Open Journal Systems (OJS): Software overview.

Public Knowledge Project. (Accessed February 14, 2026).

Rohman, M. và cộng sự (2024). Effectiveness and Efficiency of the Open-Source Platform System OJS 3.2 Journal Management for Electronic-Based Article Publication: Author and Reviewer Perspectives. In Ihsani (Eds.), 5th Vocational Education International Conference (VEIC 2023) (813, 922–928). Atlantis Press SARL. https://doi.org/10.2991/978-2-38476-198-2_128

UNESCO. (2021). UNESCO recommendation on Open Science. UNESCO.

PHỤ LỤC A. Yêu cầu về máy chủ và phần mềm đối với OJS 3.4

Thành phần	Yêu cầu	Mục đích
Ngôn ngữ lập trình	PHP \geq 8.0	Môi trường thực thi cốt lõi để chạy logic ứng dụng OJS
Máy chủ web	Apache (khuyến nghị) hoặc Microsoft IIS	Xử lý yêu cầu HTTP, truy cập người dùng và cung cấp ứng dụng web
Hệ điều hành	Linux, Windows, BSD hoặc macOS	Bảo đảm khả năng tương thích cấp máy chủ và quản lý tài nguyên hệ thống
Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	MySQL/MariaDB \geq 4.1 hoặc PostgreSQL \geq 9.1.5	Lưu trữ dữ liệu tạp chí, bản thảo, siêu dữ liệu và tài khoản người dùng
Mô-đun PHP bắt buộc	php-mbstring, php-xml, php-intl	Hỗ trợ xử lý đa ngôn ngữ, xử lý XML và các tính năng quốc tế hóa
Trình duyệt web hỗ trợ	Chrome, Firefox, Edge (phiên bản hiện đại)	Cho phép người dùng truy cập OJS thông qua giao diện web
Kiến trúc triển khai	Mô hình máy khách - máy chủ	Bảo đảm lưu trữ dữ liệu tập trung, xử lý tập trung và truy cập đa người dùng
Cấu hình lưu trữ tệp	Thư mục lưu trữ tách biệt khỏi mã nguồn	Tăng cường bảo mật hệ thống và bảo vệ dữ liệu bản thảo

PHỤ LỤC B. So sánh quy trình biên tập trước và sau khi triển khai OJS tại UPTJS

Khía cạnh quy trình	Quy trình thủ công	Quy trình dựa trên OJS
Nộp bản thảo	Nộp qua email	Nộp qua hệ thống nộp bài trực tuyến tập trung
Theo dõi bản thảo	Theo dõi thủ công bằng bảng tính	Theo dõi theo thời gian thực qua bảng điều khiển
Điều phối biên tập	Trao đổi qua email	Quy trình tích hợp với điều phối theo vai trò
Quản lý chuyên gia phản biện	Mời và theo dõi thủ công	Tự động mời phản biện và theo dõi phản hồi
Truyền thông	Phản hồi email chậm và thủ công	Thông báo tự động từ hệ thống
Lưu trữ tài liệu	Lưu trữ tệp phân tán	Kho lưu trữ tập trung và có cấu trúc
Tính minh bạch của quy trình	Khả năng hiển thị hạn chế	Truy vết đầy đủ và theo dõi trạng thái
Khả năng báo cáo	Báo cáo thủ công	Báo cáo tự động về sử dụng và quy trình